

Số: /QĐ-BĐD

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2025  
cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện,  
thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

### TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 2686/QĐ-NHCS ngày 31/3/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 481/NHCS-KHTD ngày 04/4/2025 về việc đề nghị giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025 cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

(Có Phụ lục tổng hợp và các phụ lục chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trình Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025 theo nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này cho đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội và Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Nguyễn Văn Thi**

**PHỤ LỤC TỔNG HỢP GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025*

*của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng số	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương tăng, giảm (-)						
			Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	Cho vay dự án phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP)
1	Hoàng Hóa	-1.300	-30.600	-42.000	43.300		21.000	7.000	
2	Hậu Lộc		-11.000	-15.000	6.500	-2.500	15.000	7.000	
3	Nga Sơn	5.700	-6.100	-20.000	10.800		15.000	6.000	
4	Nghi Sơn	8.700	-12.300	-5.000	2.000	6.000	13.000	5.000	
5	Quảng Xương	-500	-5.000	-30.000	8.500		20.000	6.000	
6	Thọ Xuân	-1.840	-6.000	-17.000	5.000	-1.840	13.000	5.000	
7	Yên Định	5.515	-1.700	-9.000	2.200	-985	10.000	5.000	
8	Triệu Sơn	8.100	-14.000	-32.000	24.000	5.100	20.000	5.000	
9	Nông Cống	9.600	-5.200	-7.200	2.000		13.000	7.000	
10	Vĩnh Lộc	7.500	-1.100	-14.200	1.300	-1.500	15.000	8.000	
11	Hà Trung	5.400	-9.500	-14.000	7.000	-4.000	18.000	8.000	-100
12	Cẩm Thủy	3.800	-9.800	-17.000	4.200	-18.600	35.000	10.000	
13	Thạch Thành	-400	-5.000	-19.000	9.000	-15.000	24.000	6.000	-400
14	Quan Hóa	31.500	8.700	16.600	9.200	-8.000	2.000	3.000	
15	Bá Thước	43.000	-4.800	8.300	45.800	-15.300	6.000	3.000	
16	Lạng Chánh	28.000	4.000	6.000	13.000	-4.000	4.000	5.000	
17	Ngọc Lặc	-1.300	-31.000	-30.000	48.400	-23.700	30.000	5.000	
18	Thường Xuân	48.000	5.000	15.000	30.000	-10.000	5.000	3.000	
19	Như Thanh	15.100	-4.500	-22.500	27.000	-2.900	13.000	5.000	
20	Thành phố Thanh Hóa	13.700	-1.100	-7.000	1.800		10.000	10.000	
21	Bỉm Sơn	10.000	-300	200	100		3.000	7.000	
22	Quan Sơn	22.700	9.200	9.500	8.000	-10.000	3.000	3.000	
23	Thiệu Hóa	15.200	-2.900	-10.000	11.100		12.000	5.000	
24	Mường Lát	26.200	1.700	6.300	7.200	6.000	2.000	3.000	
25	Như Xuân	13.000	-9.300	2.000	4.100	-4.800	15.000	6.000	
26	Sầm Sơn	11.125	-2.400	-3.000	-1.500	-1.975	13.000	7.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>326.500</b>	<b>-145.000</b>	<b>-250.000</b>	<b>330.000</b>	<b>-108.000</b>	<b>350.000</b>	<b>150.000</b>	<b>-500</b>

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HOÀNG HÓA**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>-1.300</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-30.600
2	Cho vay hộ cận nghèo	-42.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	43.300
4	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	21.000
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	7.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HẬU LỘC**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>0</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-11.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	-15.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	6.500
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-2.500
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	15.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	7.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGA SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>5.700</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-6.100
2	Cho vay hộ cận nghèo	-20.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	10.800
4	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	15.000
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	6.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THỊ XÃ NGHI SƠN**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>8.700</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-12.300
2	Cho vay hộ cận nghèo	-5.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	2.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	6.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	13.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 05**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>-500</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-5.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	-30.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	8.500
4	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	20.000
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	6.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.



**PHỤ LỤC SỐ 06**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THỌ XUÂN**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>-1.840</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-6.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	-17.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	5.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-1.840
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	13.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 07**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN YÊN ĐỊNH**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>5.515</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-1.700
2	Cho vay hộ cận nghèo	-9.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	2.200
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-985
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	10.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 08**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN TRIỆU SƠN**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>8.100</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-14.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	-32.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	24.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	5.100
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	20.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 09**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NÔNG CÔNG**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>9.600</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-5.200
2	Cho vay hộ cận nghèo	-7.200
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	2.000
4	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	13.000
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	7.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 10**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN VĨNH LỘC**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>7.500</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-1.100
2	Cho vay hộ cận nghèo	-14.200
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	1.300
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-1.500
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	15.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	8.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 11**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HÀ TRUNG**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>5.400</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-9.500
2	Cho vay hộ cận nghèo	-14.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	7.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-4.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	18.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	8.000
7	Cho vay dự án phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP)	-100

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 12**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN CẨM THỦY**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>3.800</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-9.800
2	Cho vay hộ cận nghèo	-17.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	4.200
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-18.600
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	35.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	10.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 13**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THẠCH THÀNH**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>-400</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-5.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	-19.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	9.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-15.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	24.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	6.000
7	Cho vay dự án phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP)	-400

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.



**PHỤ LỤC SỐ 14**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN HÓA**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>31.500</b>
1	Cho vay hộ nghèo	8.700
2	Cho vay hộ cận nghèo	16.600
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	9.200
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-8.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	2.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	3.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 15**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN BÁ THƯỚC**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>43.000</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-4.800
2	Cho vay hộ cận nghèo	8.300
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	45.800
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-15.300
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	6.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	3.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 16**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN LANG CHÁNH**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>28.000</b>
1	Cho vay hộ nghèo	4.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	6.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	13.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-4.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	4.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 17**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGỌC LẶC**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>-1.300</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-31.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	-30.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	48.400
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-23.700
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	30.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 18**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THƯỜNG XUÂN**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>48.000</b>
1	Cho vay hộ nghèo	5.000
2	Cho vay hộ cận nghèo	15.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	30.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-10.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	5.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	3.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 19**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ THANH**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>15.100</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-4.500
2	Cho vay hộ cận nghèo	-22.500
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	27.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-2.900
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	13.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 20**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA HỘI SỞ TỈNH (THÀNH PHỐ THANH HÓA)**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>13.700</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-1.100
2	Cho vay hộ cận nghèo	-7.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	1.800
4	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	10.000
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	10.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 21**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THỊ XÃ BỈM SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>10.000</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-300
2	Cho vay hộ cận nghèo	200
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	100
4	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	3.000
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	7.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.



**PHỤ LỤC SỐ 22**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN SƠN**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>22.700</b>
1	Cho vay hộ nghèo	9.200
2	Cho vay hộ cận nghèo	9.500
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	8.000
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-10.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	3.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	3.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 23**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THIỆU HÓA**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>15.200</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-2.900
2	Cho vay hộ cận nghèo	-10.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	11.100
4	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	12.000
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	5.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BĐD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BĐD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 24**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN MƯỜNG LÁT**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>26.200</b>
1	Cho vay hộ nghèo	1.700
2	Cho vay hộ cận nghèo	6.300
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	7.200
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	6.000
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	2.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	3.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 25**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ XUÂN**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>13.000</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-9.300
2	Cho vay hộ cận nghèo	2.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	4.100
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-4.800
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	15.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	6.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025, Quyết định số 411/QĐ-NHCS ngày 24/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

**PHỤ LỤC SỐ 26**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025**  
**CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THÀNH PHỐ SÀM SƠN**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025  
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ tiêu giao tăng, giảm (-)</b>
<b>I</b>	<b>Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương</b>	<b>11.125</b>
1	Cho vay hộ nghèo	-2.400
2	Cho vay hộ cận nghèo	-3.000
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	-1.500
4	Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-1.975
5	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	13.000
6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động	7.000

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ nguồn vốn Trung ương đối với các chương trình được giao theo Quyết định này đã bao gồm chỉ tiêu tạm giao, điều chỉnh tại Quyết định số 187/QĐ-BDD ngày 16/01/2025, Quyết định số 448/QĐ-BDD ngày 12/2/2025 của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-NHCS ngày 10/3/2025 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.